

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v “tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Minh Hùng**

2. Ông **Lê Văn Lâu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 618/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Quách Thị Kim N** sinh năm: 1983

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Tiến K** sinh năm: 1982

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Chị N có mặt, anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Quách Thị Kim N trình bày: Chị và anh Trần Tiến K xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi, đánh chị nên chị và anh K không còn chung sống với nhau từ đó đến nay, không có hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh K. Về con chung: chị và anh K có 03 con chung tên Quách Tiến T sinh ngày 25 tháng 10 năm 2001, Quách Thị Ngọc G sinh ngày 22 tháng 02 năm 2003 và Quách Tiến T1 sinh ngày 16 tháng 5 năm 2007, hiện cháu T đang sống với anh K còn cháu G và cháu T1 đang sống với chị, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G và cháu T1 để anh Khương tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, chị không yêu cầu anh K

cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 8 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 06 tháng 9 năm 2017 bị đơn là anh Trần Tiến K trình bày: Anh thống nhất với chị N về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và con chung. Anh và chị N chung sống không có đăng ký kết hôn, anh và chị N không có sống ly thân với nhau. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: có ba con chung như chị N trình bày, nay anh đồng ý theo yêu cầu của chị N về nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu và anh cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, anh K đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K là phù hợp điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Quách Thị Kim N và anh Trần Tiến K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Trong quá trình chung sống chị N và anh K đều xác định là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh K. Xét thấy chị N và anh K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 không có đăng ký kết hôn, tuy chị N và anh K có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng lại không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh K không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh K là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị N và anh K có 03 con chung tên Quách Tiến T sinh ngày 25 tháng 10 năm 2001, Quách Thị Ngọc G sinh ngày 22 tháng 02 năm 2003 và Quách Tiến T1 sinh ngày 16 tháng 5 năm 2007, hiện cháu T đang sống với anh K còn cháu G và cháu T1 đang sống với chị. Nay chị N và anh K thống nhất để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G và cháu T1, còn cháu T giao anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T mong muốn được sống với anh K, cháu G và cháu T1 mong muốn được sống với chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N, anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quách Thị Kim N và anh Trần Tiến K.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Quách Thị Ngọc G, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2003 và Quách Tiến T1, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2007 cho chị Quách Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung tên Quách Tiến T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2001 cho anh Trần Tiến K trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị Quách Thị Kim N và anh Trần Tiến K không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với nhau do cả hai không yêu cầu. Chị N, anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu chị N, anh K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị N, anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với nhau.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Quách Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 07371 ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh K thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

